

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày 02-4-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Hòa;
- Ông Hoàng Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xét xử số 2, trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2023/TLST-KDTM ngày 16-11-2023 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15-02-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-KDTM ngày 07-3-2024; Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số: 01/2024/QĐ-CA ngày 01-4-2024, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T1; địa chỉ: K, Q, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ văn phòng đại diện: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý Minh H; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Thiết G; chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh (Giấy ủy quyền ngày 20-8-2023); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C1; địa chỉ: Phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá H1; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Khu đô thị M, phường G, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Sỹ B; chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Đức T, chức vụ: Phó Tổng giám đốc (Giấy ủy quyền số 80/UQ-NNP ngày 31-01-2024); vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-11-2023, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Từ Thiết G trình bày: Công ty TNHH MTV T1 (gọi tắt là Công ty T1) và Công ty Cổ phần C1 (gọi tắt là Công ty C1 số 3) ký kết Hợp đồng mua bán số 0111/2021/HĐNT/CT-PD ngày 01-11-2021 về việc mua bán vật liệu xây dựng phục vụ hạng mục: Thi công xây dựng phần kết cấu, kiến trúc, thoát nước mưa công trình Khu nhà ở thấp tầng của dự án N, thành phố L; địa điểm tại Khu đô thị P, khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Theo hợp đồng đã ký kết bên Công ty T1 bán vật liệu xây dựng gồm cát bê tông, cát xây, cát trát, đá, gạch, xi măng cho Công ty C1 số 3, hàng tháng hai bên đối chiếu chốt hàng hóa giao nhận và số tiền, sau 5 ngày bên Công ty C1 số 3 nhận được hồ sơ thanh toán sẽ có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hàng hóa đã nhận được hai bên ký nghiệm thu.

Kể từ ngày 03-11-2021 đến ngày 22-9-2022, Công ty T1 đã cung cấp khối lượng vật liệu xây dựng cho Công ty C1 có tổng trị giá là 1.527.801.500 đồng. Công ty C1 đã thanh toán 07 lần cho Công ty T1 với tổng số tiền 798.714.500 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Công ty T1 tại Ngân hàng N, Chi nhánh L, cụ thể lần 1 ngày 28-01-2022 chuyển 51.000.000 đồng; lần 2 ngày 22-4-2022 chuyển 34.937.000 đồng; lần 3 ngày 20-5-2022 chuyển 50.000.000 đồng; lần 4 ngày 30-5-2022 chuyển 87.840.000 đồng; lần 5 ngày 14-7-2022 chuyển 80.000.000 đồng; lần 6 ngày 25-7-2022 chuyển 100.000.000 đồng; lần 7 ngày 26-8-2022 chuyển 394.937.500 đồng. Số tiền còn lại Công ty C1 số 3 chưa thanh toán còn nợ chốt đến sau ngày 22-9-2022 là 729.087.000 đồng.

Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ gọi điện thoại yêu cầu Công ty C1 số 3 thanh toán nợ, nhưng Công ty C1 không thực hiện. Ngày 07-3-2023 Công ty C1 có gửi Công văn số 0703/CV-CF3/2023 với nội dung xác nhận số nợ tính đến ngày 07-3-2023 là 729.087.000 đồng và cam kết ngày 25-4-2023 sẽ thanh toán 182.271.750 đồng, và ngày 30-6-2023 sẽ thanh toán 182.271.750 đồng; còn 50% công nợ còn lại tương ứng số tiền 364.543.500 đồng sẽ do bên chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ thanh toán (gọi tắt là Công ty Đ); đến hết ngày 30-6-2023, nếu Công ty C1 số 3 không thanh toán được số nợ trên thì Công ty T1 được quyền giữ lại vận thăng tại công trình Lạng Sơn. Tuy nhiên, từ sau khi nhận được công văn số 0703/CV-CF3/2023 ngày 07-3-2023 đến nay, công ty T1 vẫn chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ Công ty C1. Công ty T1 xác định Công ty C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 0111/2021/HĐNT/CT-PD ngày 01-11-2021. Do đó, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần C1 thanh toán cho Công ty T1 theo Hợp đồng mua bán số 0111/2012/HĐNT/CT-PD ngày 01-11-2021 số tiền hàng hóa còn thiếu là 729.087.000 đồng; và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chiếm dụng vốn là tiền lãi chậm trả tính từ ngày hết thời hạn phải thanh toán nợ 05-10-2022 đến ngày 02-11-2023 (ngày khởi kiện) theo lãi suất 10%/năm x 393 ngày là 78.501.000 đồng; và tiền bồi thường thiệt hại về uy tín thương hiệu, thiệt hại về kinh tế, thời gian tương ứng với 10% giá trị thiệt hại do chậm thanh toán là 72.908.700 đồng. Tổng cộng yêu cầu Công ty C1 số 3 phải trả là 880.496.700 đồng.

Ngoài ra còn buộc Công ty Confitech số 3 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền còn phải thi hành cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với phía bị đơn Công ty Cổ phần C1 số 3: Ngoài công văn số 0703/CV-CF3/2023 ngày 07-3-2023 gửi cho Công ty T1 và các văn bản đối chiếu chốt công nợ, do phía nguyên đơn cung cấp. Bị đơn Công ty C1 số 3 không có bản khai hay tài liệu nào khác. Sau khi Tòa án thụ lý đã thông báo việc thụ lý vụ án, gửi Giấy triệu tập, Thông báo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được gửi, tổng đạt cho bị đơn; việc tổng đạt văn bản được thực hiện qua đường Bưu chính và có xác nhận của Công ty C1 số 3 là đã nhận được các văn bản tố tụng trên, nhưng không có văn bản phản hồi, cũng không đến Tòa án để viết bản tự khai, hoặc để Tòa lấy lời khai.

Tại công văn số 5788/2023/CV-TA ngày 27-12-2023 của Tòa án gửi Sở Kế hoạch đầu tư thành phố H, yêu cầu cung cấp thông tin đến việc đăng ký kinh doanh và hoạt động của Công ty C1; tại công văn phúc đáp số 224/CCTT-ĐKKD ngày 12-01-2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cung cấp hiện Công ty C1 số 3 vẫn đang hoạt động bình thường, kèm theo là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 là ngày 22-3-2023 cấp cho Công ty C1; địa chỉ trụ sở chính công ty vẫn là: Phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Ngày 09-01-2024 Tòa án đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2024/QĐ-UTTA ngày 09-01-2024 cho Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, thực hiện công việc ủy thác: Lấy lời khai của bị đơn, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá 30 ngày vẫn không nhận được kết quả ủy thác; ngày 29-02-2024 Tòa án đã ban hành công văn số 795/2024/CV-TA ngày 29-02-2024 đề nghị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, thực hiện công việc ủy thác, nhưng đến ngày xét xử vụ án vẫn không nhận được kết quả ủy thác. Do vậy, không có tài liệu, chứng cứ và lời khai của phía bị đơn Công ty C1 số 3 theo quy định.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ), người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Đức T, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản khai trình bày ngày 01-02-2024 thể hiện: Công ty Đ là đơn vị nhận thầu xây dựng khu N, thuộc Khu đô thị P, khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng; quá trình thực hiện có ký hợp đồng với Công ty C1

số 3 là đơn vị trực tiếp thi công. Còn việc mua bán vật liệu xây dựng giữ Công ty T1 với Công ty C1, Công ty Đ có biết, nhưng việc thực hiện hợp đồng mua bán và thanh toán là do 2 bên, Công ty Đ không liên quan. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa Công ty Đ với Công ty C1 số 3 đã thực hiện đúng quy định, nay đã thanh toán xong; còn Công ty C1 cho rằng có văn bản thỏa thuận giữa 3 bên, trong đó Công ty Đ sẽ thanh toán thay cho Công ty C1 trả cho Công ty T1 50% trị giá mua bán vật liệu xây dựng là không có, phía Công ty Đ không được ký thỏa thuận này. Nay hai bên tranh chấp việc thanh toán tiền mua bán hàng hóa Công ty Đ xác định không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, Công ty Đ xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, nhưng bị đơn không đến dù đã được tổng đạt văn bản hợp lệ; do vậy không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã Thông báo kết quả công khai chứng cứ cho bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty T1 giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc Công ty C1 số 3 trả tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 729.087.000 đồng; còn các khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền còn nợ; tiền bị thiệt hại về uy tín, thương hiệu theo như đơn khởi kiện, nguyên đơn tự nguyện rút các yêu cầu này, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn không chấp hành và không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định, không có bản tự khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến tham gia phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do. Quá trình tố tụng ngày 07-3-2024 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vì vắng bị đơn lần thứ nhất; nhưng tại phiên tòa mở lại lần hai ngày hôm nay 02-4-2024, dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không lý do; còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Đ có đơn xin xử vắng mặt. Nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ, cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi khoản tiền mua bán hàng hóa còn thiếu mà bị đơn chưa trả; còn các khoản tiền lãi, thiệt hại do nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa, nên đình chỉ giải quyết theo quy định. Bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo thời hạn quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (vật liệu xây dựng); về thẩm quyền giải quyết vụ án, do hợp đồng được thực hiện tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và tại mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng đã ký kết quy định nếu xảy ra tranh chấp thì Tòa án nơi thực hiện hợp đồng có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Đ. Nhưng bị đơn đã được triệu tập và tổng đạt hợp lệ, vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên Tòa mở lần thứ 2; còn đại diện Công ty Đ đã có bản trình bày tự khai và yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định. Về các thủ tục tiến hành tố tụng đối với phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt gửi Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần và Thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải, Thông báo kết quả kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, bị đơn đã nhận được thông báo hợp lệ, nhưng không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định. Ngày 09-01-2024 Tòa án đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xác minh, thu thập chứng cứ, lời khai ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện; quá thời hạn ủy thác, ngày 29-02-2024 Tòa án ban hành công văn tiếp tục yêu cầu thực hiện việc ủy thác thu thập chứng cứ, nhưng đến ngày mở phiên tòa xét xử lần đầu 07-3-2024 vẫn không nhận được kết quả ủy thác, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Đến ngày xét xử hôm nay 02-4-2024 vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác, căn cứ khoản 5 Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, là đúng quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy: Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc mua bán số 0111/2021/HĐNT/CT-PD ngày 01-11-2021 về việc mua bán cát bê tông, cát xây, cát trát, đá, gạch, xi măng (gọi tắt là vật liệu xây dựng) để phục vụ thi công xây dựng phần kết cấu, kiến trúc, thoát nước mưa công trình Khu nhà ở thấp tầng của dự án Nhà ở xã hội số 2, thành phố L; địa điểm Khu đô thị P, khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giữa Công ty T1 với Công ty C1, thấy Hợp đồng được ký kết bằng văn bản do đại diện theo pháp luật hai công ty tự nguyện ký, đóng dấu theo quy định; nội dung thỏa thuận bên Công ty T1 cung cấp cho Công ty C1 số 3 hàng hóa là cát bê tông, cát xây, cát trát, đá, gạch, xi măng; hợp đồng có thỏa thuận thời gian, địa điểm giao nhận hàng hóa; chủng loại, chất lượng và thời hạn thanh toán đối chiếu chốt công nợ theo từng tháng. Quá trình thực hiện từ tháng 11-2021 đến tháng 9-2022, hai bên giao nhận hàng và chốt số lượng vật liệu xây dựng và thanh toán một phần; không

bên nào có thắc mắc gì về việc chậm giao hàng hay về chất lượng hàng hóa mua bán, đồng thời cùng chốt tổng số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 1.527.801.500 đồng; bị đơn đã thanh toán được 7 lần, tính đến ngày 26-8-2022 đã trả là 798.714.500 đồng; hiện còn nợ 729.087.000 đồng. Do vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa trên có căn cứ, hiệu lực thực hiện và được pháp luật công nhận bảo vệ.

[4] Về yêu cầu đòi bị đơn trả khoản tiền nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Đối với số tiền nợ mua bán vật liệu xây dựng, căn cứ các văn bản đối chiếu công nợ và chốt số tiền thanh toán nguyên đơn đưa ra và ý kiến tại công văn số 0703/CV-CF3/2023 ngày 07-3-2023 của bị đơn Công ty C1 gửi cho Công ty T1 đã xác nhận hiện còn nợ chưa trả là 729.087.000 đồng; đây là sự thừa nhận của hai bên, nên thuộc trường hợp không phải chứng minh. Còn bị đơn đưa ra ý kiến tại công văn số 0703/CV-CF3/2023 ngày 07-3-2023 là 50% số tiền còn nợ, tương ứng 364.543.500 đồng sẽ do Công ty Đ thoán theo biên bản thỏa thuận giữa 3 bên, còn bị đơn có trách nhiệm trả phần còn lại là 364.543,500 đồng. Tuy nhiên Công ty Đ và nguyên đơn đều khẳng định không có thỏa thuận này, Công ty Đ cho rằng không liên quan đến việc ký kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, cũng như việc thanh toán giữ hai bên. Do vậy, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 729.087.000 đồng còn thiếu là đúng.

[5] Từ những nhận định, đánh giá như trên, có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán trả toàn bộ số tiền 729.087.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Đối với các yêu cầu đòi khoản tiền lãi chậm trả 78.501.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về uy tín, thương hiệu là 72.908.7000 đồng. Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa; nên đình chỉ giải quyết theo quy định và nguyên đơn có quyền khởi lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, ứng đối số tiền 729.087.000 đồng phải trả cho nguyên đơn, số tiền án phí phải chịu là 33.163.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm nhận định và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24 Luật Thương mại; các Điều 430, 431, 433, 434, 435, 436 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 218, khoản 2 Điều 244; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1, cụ thể: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần C1 phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 729.087.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được trả tiền về số tiền phải trả nêu trên, nếu bên phải trả tiền chưa trả được tiền, thì còn phải chịu tiền lãi ứng với số tiền, thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả lãi chậm trả số tiền 78.501.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về uy tín, thương hiệu là 72.908.7000 đồng. Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa; nguyên đơn có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần C1 phải chịu 33.163.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, để sung ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 19.208.000 đồng (mười chín triệu hai trăm linh tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0000020 ngày 14-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKS ND thành phố Lạng Sơn;
- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ + Tổ HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Xuân Tĩnh